TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

Bản án số **27** /2020/HSST
Ngày 26/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH Q

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min

Các hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Liêu và ông Nguyễn Công Phúc.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký TAND huyện T.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2020, tại trụ sở TAND huyện T xét xử sở thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 17/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với:

-*Bị cáo* **Nguyễn Đình Đ**, sinh ngày 29/10/1995 tại tỉnh Q; nơi cư trú thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp đầu bếp; trình độ học vấn 10/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Tự L và bà Nguyễn Thị Minh H; vợ là bà Nguyễn Thị Diễm P và 01 con sinh năm 2018; tiền sự không có; tiền án không có; nhân thân tốt; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

-*Người bị hại:* bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1992, nơi cư trú thôn 6, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Q.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Bùi Thị Minh H, sinh năm 1980, nơi cư trú thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Q.

-*Người làm chứng*:

Ông Võ Đình Anh T, sinh năm 1974, nơi cư trú khối phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Q.

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992, nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q.

Ông Phạm Văn S, sinh năm 1993, nơi cư trú thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Người bại hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Đ có thời gian làm đầu bếp cho quán N (thuộc khu phố 6, thị trấn H) của bà Nguyễn Thị Minh N. Khoảng 17h00 ngày 21/12/2019, Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát 92M1-093.60 của dì ruột là bà Bùi Thị Minh H đi từ huyện T đến quán N để nhận lương. Sau khi được bà N trả 1.800.000đ tiền lương, Đ đi chơi game. Đến 19h00 cùng ngày, Đ điều khiển xe quay lại quán N với mục đích trộm chiếc tivi để tại quán bán lấy tiền chuộc chiếc máy tính đang được cầm cố. Thấy quán đóng cửa nên xuống xe rồi tháo dây thép để mở hàng lưới B40 trước quán và dắt xe vào bên trong. Đ mở cửa sau và đi vào bên trong quán rồi đi đến khu bếp để tháo chiếc tivi hiệu LG 43inch bỏ vào hai chiếc bao ni-lông màu đen và lấy chiếc rờ- mốt tivi bỏ vào túi quần. Đ ôm chiếc tivi ra để phía trước xe, dùng dây cao su buộc chiếc tivi vào yên xe mô tô rồi điều khiển xe về huyện T và thuê nhà trọ để nghỉ qua đêm.

Khoảng 14h00 ngày 22/12/2019, Đ mang chiếc tivi đến tiệm điện máy A cơ sở I thị trấn T để bán nhưng ông Võ Đình Anh T là chủ tiệm không mua. Tại đây, Đ gặp ông Nguyễn Ngọc T là nhân viên của tiệm điện máy và được anh T giới thiệu, Đ đã bán chiếc tivi cùng với rờ- mốt cho ông Phạm Văn S với giá 2.000.000đ.

Đ dùng số tiền trên đến tiệm cầm đồ T tại thị trấn T của ông Võ Viết T để chuộc lại chiếc máy tính đã cầm cố trước đó hết 1.200.000đ. Số tiền còn lại Đ tiêu xài hết.

Đến ngày 10/01/2020, Đ nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã liên lạc với ông Phạm Văn S để chuộc lại chiếc tivi và rờ- mốt với số tiền 3.500.000đ. Sau đó Đ mang chiếc tivi đến Công an huyện T để tự thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận chiếc tivi hiệu LG 43 inch có giá trị 8.000.000đ và chiếc rờ -mốt có giá trị 500.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 12/3/2020 VKSND huyện T truy tố Nguyễn Đình Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,i, s,r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình Đ từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

-Ý kiến của người bị hại: Bà N đã nhận lại toàn bộ toàn sản, không yêu cầu Nguyễn Đình Đ bồi thường thêm và yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Lời khai của Nguyễn Đình Đ tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án và lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

Như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Vào sáng ngày 21/12/2019, tại khu phố 6, thị trấn H, huyện T, tỉnh Q, Nguyễn Đình Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Minh N một chiếc tivi hiệu LG 43 inch cùng chiếc rờ-mốt có giá trị 8.500.000đ. Vì vậy, Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 12/3/2020 VKSND huyện T truy tố Nguyễn Đình Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Hành vi của Nguyễn Đình Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm và áp dụng hình phạt tù để giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại;phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s,r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương nên thấy cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[2] –Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra, điều tra viên đã thực hiện các hành vi, ban hành các quyết định tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, ban hành các quyết định tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]-Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ trả lại cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 92M1-093.60 cho bà Bùi Thị Minh H là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm: Nguyễn Đình Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Đình Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm

cắp tài sản". Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2020).

Giao Nguyễn Đình Đ cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Q quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Đình Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Đình Đ phải chấp hành hình phạt tù. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc Nguyễn Đình Đ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp Nguyễn Đình Đ thay đổi nơi cư trú thì việc quản lý, giám sát và giáo dục được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2]-Về án phí hình sự sơ thẩm: Nguyễn Đình Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng y).

[3]-Về quyền kháng cáo: Nguyễn Đình Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2020). Bà Nguyễn Thị Minh N và bà Bùi Thị Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Q*
-*VKSND tỉnh Q*
- *VKSND huyện T*
- *VP công an huyện T*
- *Chi cục THADS huyện T*
- *Bị cáo, những người TGTT khác*
- *Lưu HS-AV*

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số:…./2019/HSST-QĐTG	*Duy Xuyên, ngày 16 tháng 87 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN-TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Lục và bà Phạm Thị Cang.

. Căn cứ các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Biên bản nghị án ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tạm giam bị cáo **Đặng Ngọc Pháp**, sinh năm 1998 tại thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú khối phố Bình An, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp không có.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 48 (Bốn mươi tám) tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2019).

Điều 2: Nhà tạm giữ lưu giam Công an huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Duy Xuyên
-Nhà TGLG CA Duy Xuyên
-Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Min